

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy trình nội bộ, quy trình liên thông đối với từng thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 333/TTr-SNN ngày 22/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ, quy trình liên thông đối với từng thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (VIC);
- NN-TN; QH-XD; CCHC (Chờ VIC);
- Lưu: VT. Tr 11/6.



Lê Văn Sử

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền)

1.2. Thủ tục Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm (Cấp lần đầu và cấp lại)

a) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Quản lý nuôi trồng thủy sản	1 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0.5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	1.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	3.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản

a) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	1 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0.5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.6. Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	3.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.7. Thủ tục Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá

a) Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	5.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.8. Thủ tục Xóa đăng ký tàu cá**1.9. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá****1.10. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá****1.11. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá**

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 2.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	1.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0.5 ngày làm việc
4	Lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý tàu cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.12. Thủ tục Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)

1.13. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 1.5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo giăng chứng nhận, xem xét, trình ký	Phòng Quản lý Khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản	0.75 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0.5 ngày làm việc
4	Ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý Khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.14. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 09 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi).

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp Đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ và dự thảo Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, trình ký	Phòng đăng kiểm	12.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Trung tâm đăng kiểm tàu cá	2 ngày làm việc
4	Ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý hồ sơ tàu cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp Đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Kiểm tra hồ sơ, thẩm định hồ sơ và dự thảo Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, trình ký</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Phòng đăng kiểm	6.5 ngày làm việc
3	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Lãnh đạo đơn vị duyệt</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Trung tâm đăng kiểm tàu cá	2 ngày làm việc
4	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Phòng Quản lý hồ sơ tàu cá	0.25 ngày làm việc
5	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.15. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

a) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, trình ký	Phòng đăng kiểm	01 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Trung tâm đăng kiểm tàu cá	0.5 ngày làm việc
4	Ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý hồ sơ tàu cá	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông

2.1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP. UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét hồ sơ, Ban hành Quyết định thành lập Tổ thẩm định	Phòng Kế hoạch – Tài chính	2.5 ngày làm việc	
3	Tổ thẩm định, họp, thẩm định hồ sơ, lập biên bản gửi Sở Nông nghiệp và PTNT	Phòng Kế hoạch – Tài chính	07 ngày làm việc	
4	Xem xét hồ sơ quyết định cấp GCN doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Lãnh đạo sở	1.75 ngày làm việc	
5	Văn thư ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng sở	0.25 ngày làm việc	
6	UBND tỉnh phê duyệt	VP. UBND tỉnh	03 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND
7	Scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng sở	0.25 ngày làm việc	
8	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử ↓	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý ↓	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ ↓	Phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký ↓	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định ↓	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống ↓	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Thời gian giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 11 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét hồ sơ, Ban hành Quyết định thành lập Tổ thẩm định	Phòng Kế hoạch – Tài chính	1.75 ngày làm việc	
3	Tổ thẩm định, họp, thẩm định hồ sơ, lập biên bản gửi Sở Nông nghiệp và	Phòng Kế hoạch – Tài chính	07 ngày làm việc	
4	Xem xét hồ sơ quyết định cấp GCN doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Lãnh đạo sở	1.75 ngày làm việc	
5	Văn thư ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng sở	0.25 ngày làm việc	
6	UBND tỉnh phê duyệt	VP. UBND tỉnh	2.75 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND
7	Scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng sở	0.25 ngày làm việc	
8	Trả kết quả cho tổ chức cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y đối với các loại hình hành nghề (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

a) Thời gian giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới;
- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp gia hạn.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp cấp mới

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	2.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp gia hạn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	01 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

a) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra – Pháp chế	01 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Thanh tra – Pháp chế	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y

a) Thời gian giải quyết:

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới;
- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại.

b) Quy trình giải quyết:

- Trường hợp cấp mới

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	12 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	01 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp cấp lại

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	01 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	02 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	01 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

a) Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

- a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	2.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.6. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

- a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	12 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.7. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

1.8. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)

1.9. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

1.10. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận

a) Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	17 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.11. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	12 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	01 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.12. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

1.13. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản

a) Thời gian giải quyết

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng;

- 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp thời gian giải quyết 7 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	4 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	01 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp thời gian giải quyết 17 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	14 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.14. Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)

a) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.15. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Thời gian giải quyết

- Trường hợp 1: Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;

- Trường hợp 2: Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:

+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch;

+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp 1

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thực hiện ngay
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp 2

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
	↓		
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ →	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
	↓		
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ →	Trạm kiểm dịch	1.5 ngày làm việc
	↓		
4	Lãnh đạo phòng trình ký →	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
	↓		
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt →	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
	↓		
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống →	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
	↓		
7	Trả kết quả →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.16. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận

a) Thời gian giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý dịch bệnh	10 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý dịch bệnh	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1 ngày làm việc
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.17. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Thời gian giải quyết

- Trường hợp 1: Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp 2: Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp 1

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp 2

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Trạm kiểm dịch	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thực hiện ngay
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ

a) Thời gian giải quyết: 2 trường hợp

- Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho các lô hàng nguyên liệu nhuộm thể 2 mảnh vỏ được kiểm soát ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường.

- Trường hợp đại diện Chi cục chưa ký tên và chưa đóng dấu trên Giấy chứng nhận xuất xứ tại hiện trường, Chi cục tổ chức cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	

1.2. Thủ tục Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò

a) Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Chuyển ngay
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

1.4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)

a) Thời gian giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	07 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	01 ngày làm việc
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm).

1.6. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

a) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình Giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.7. Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

a) Thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Chuyển ngay
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.8. Thủ tục Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu

a) Thời gian giải quyết: 02 trường hợp

- Trường hợp 1: Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trường hợp 2: Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp 1: 05 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	1.75 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	1 ngày làm việc
6	Vấn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp 2: 02 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý chất lượng	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản	0.75 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: *(Không có)*

IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa *(không liên thông – Không có)*

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông

2.1. Thủ tục Công nhận làng nghề

2.2. Thủ tục Công nhận nghề truyền thống

2.3. Thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống

a) Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Trong đó:

- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 13 ngày làm việc.
- Lấy ý kiến các đơn vị: 4 ngày làm việc.
- Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: 5 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Cơ điện Ngành nghề nông thôn	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Cơ điện Ngành nghề nông thôn	5 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Cơ điện Ngành nghề nông thôn	1.5 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
6	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Đóng góp ý kiến	Các sở, ngành góp ý (Văn phòng Sở theo dõi)	4 ngày làm việc	
8	Tổng hợp trình lãnh đạo Chi cục	Phòng Cơ điện Ngành nghề nông thôn	2 ngày làm việc	
9	Lãnh đạo phòng tổng hợp trình ký	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
11	Văn thư ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	5 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.75 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.4. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 54 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 35 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 19 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Hành chính - tổng hợp	2 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Hành chính - tổng hợp	28 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Hành chính - tổng hợp	2 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Trung tâm Khuyến nông	2.25 ngày làm việc	
6	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh	Phòng Hành chính - tổng hợp	0.25 ngày làm việc	
7	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	19 ngày làm việc	Quy trình tại VP.UBND
8	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - tổng hợp	0.25 ngày làm việc	
9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	1.75 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	8 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	3 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	4 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	2 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.5. Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (cấp tỉnh)

a) Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 12 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 7 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ (bao gồm họp thẩm định)	Phòng Trồng trọt	8.75 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc	
6	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh	Phòng Trồng trọt	0.25 ngày làm việc	
7	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	7 ngày làm việc	Quy trình tại VP.UBND
8	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Phòng Trồng trọt	0.25 ngày làm việc	
9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	1.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

V. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

a) Thời gian giải quyết 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyên ngày
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý	Phòng Bảo vệ thực vật	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	01 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Bảo vệ thực vật	0.25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

1.4. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

a) Thời gian giải quyết:

- 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- 84 ngày làm việc, khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	11 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính – Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón

1.6. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón

a) Thời gian giải quyết:

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn).

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận).

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	12 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.7. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	05 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.8. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

a) Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	02 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.9. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

a) Thời gian giải quyết: 24 giờ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	02 giờ làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Bảo vệ thực vật	14 giờ làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	02 giờ làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	02 giờ làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.10. Thủ tục Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Xác nhận nội dung quảng cáo và 01 đối với trường hợp xác nhận nội dung hội thảo

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp xác nhận nội dung đăng ký quảng cáo

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng xem xét	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư đơn vị trình ký	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Văn thư Sở trình ký	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc
8	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc
9	Ghi số, đóng dấu, chuyển kết quả về Chi cục	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc
10	Đính kèm kết quả lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp xác nhận nội dung đăng ký hội thảo

a) Thời gian giải quyết 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn ↓	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ/Lãnh đạo phòng xem xét ↓	Phòng Trồng trọt	0.25 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt/trình Sở lý ↓	Phòng Hành chính	0.25 ngày làm việc
4	Văn thư trình lãnh đạo Sở ký/ Lãnh đạo phê duyệt ↓	Lãnh đạo Sở	0.25 ngày làm việc
5	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả về Chi cục đính kèm lên hệ thống ↓	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.11. Thủ tục Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng xem xét	Phòng Trồng trọt	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư đơn vị trình ký	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
7	Văn thư Sở trình ký	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc
8	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc
9	Ghi số, đóng dấu, chuyển kết quả về Chi cục	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc
10	Đính kèm kết quả lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.12. Thủ tục Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	2 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng xem xét	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2 ngày làm việc
6	Văn thư đơn vị trình ký	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1 ngày làm việc
7	Văn thư Sở trình ký	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc
8	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc
9	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	1.5 ngày làm việc
10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.13. Thủ tục Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

a) Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng xem xét	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1 ngày làm việc
6	Văn thư đơn vị trình ký	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1 ngày làm việc
7	Văn thư Sở xem xét, trình ký	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc
8	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc
9	Ghi số, đóng dấu, đính kèm kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.75 ngày làm việc
10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.14. Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	6 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng xem xét	Phòng Trồng trọt	1.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1.5 ngày làm việc
6	Văn thư đơn vị trình ký	Phòng Hành chính - Tổng hợp	1 ngày làm việc
7	Văn thư Sở tiếp nhận hồ sơ, trình ký	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc
8	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1.75 ngày làm việc
9	Ghi số, đóng dấu, đính kèm kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc
10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

VI. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông - Không có)

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông

2.1. Thủ tục Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

2.2. Thủ tục Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:
 - Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 01 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.25 ngày làm việc	
6	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	1 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
8	Đính kèm kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	Chuyển ngay
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.3. Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2.4. Thủ tục Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2.5. Thủ tục Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Thời hạn giải quyết: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 14 ngày làm việc.

- Thời hạn giải quyết Sở Tài nguyên và Môi trường: 04 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 06 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	6 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	1 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	
7	Đóng góp ý kiến	Sở Tài nguyên và Môi trường	4 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Tiếp nhận ý kiến đóng góp	Văn phòng Sở	3 ngày làm việc	
9	Lãnh đạo phòng tổng hợp trình ký	Văn phòng Sở	0.75 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
11	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	6 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	2.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Ban Giám đốc	0.5 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.6. Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày làm việc.

- Thời hạn giải quyết Sở Tài Nguyên và Môi trường: 05 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	4 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	1 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	1 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	5 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp	Văn phòng Sở	1.5 ngày làm việc	Quy trình tại Sở NN&PTNT
9	Lãnh đạo phòng tổng hợp trình ký	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
11	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	5 ngày làm việc	Quy trình tại VP UBND tỉnh
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Ban Giám đốc	0.5 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.7. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.8. Thủ tục Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc.

- Thời hạn giải quyết Sở Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 04 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết
- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	1.25 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.5 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	3 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
9	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp, trình ký	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
11	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	4 ngày làm việc	Quy trình tại VP UBND tỉnh
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	↓ Lãnh đạo phòng phân công xử →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
3	↓ Chuyên viên xử lý hồ sơ →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
4	↓ Lãnh đạo phòng trình ký →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
5	↓ Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ →	Ban Giám đốc	0.5 ngày làm việc
6	↓ Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ →	Văn phòng	0.25 ngày làm việc
7	↓ Trả kết quả →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.9. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.10. Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.11. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 03 ngày làm việc;

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 02 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	1 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.5 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, trình UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	2 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
8	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.12. Thủ tục Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.13. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.14. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 07 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 02 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	4.25 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	1 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.5 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, trình UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	2 ngày làm việc	Quy trình tại VP.UBND
8	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.15. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.16. Thủ tục Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 06 ngày làm việc
- Thời hạn giải quyết Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 ngày làm việc
- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 04 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	2 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.25 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	2 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Lãnh đạo/ chuyên viên phòng chuyên môn tổng hợp ý kiến	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	Quy trình tại Sở NN&PTNT
9	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp, trình ký	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
11	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	Phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	4 ngày làm việc	Quy trình tại VP UBND tỉnh
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ	Ban Giám đốc	0.25 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.17. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.18. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.19. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.20. Thủ tục Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 08 ngày làm việc

- Thời hạn giải quyết Sở Tài nguyên và Môi trường: 04 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 03 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết
- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	2.5 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	1 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	4 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp	Văn phòng Sở	1.25 ngày làm việc	Quy trình tại Sở NN&PTNT
9	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp, trình ký	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.75 ngày làm việc	
11	Scan kết quả đính kèm lên hệ thống, trình UBND tỉnh	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	3 ngày làm việc	Quy trình tại VP UBND tỉnh
13	Scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	0.75 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ	Ban Giám đốc	0.5 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ	Văn phòng	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.21. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 07 ngày làm việc

- Thời hạn giải quyết Sở Tài nguyên và Môi trường: 04 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 02 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

- Quy trình tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ	Phòng Thanh tra pháp chế	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Thanh tra pháp chế	3 ngày làm việc	
4	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Thanh tra pháp chế	0.5 ngày làm việc	
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Thủy lợi	0.5 ngày làm việc	
6	Xem xét hồ sơ, chuyển các Sở lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	Lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	4 ngày làm việc	Quy trình tại Sở TN&MT
8	Lãnh đạo/chuyên viên phòng chuyên môn tổng hợp	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	Quy trình tại Sở NN&PTNT
9	Lãnh đạo phòng chuyên môn tổng hợp, trình ký	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
11	Ghi số, đóng dấu, scan kết quả lên hệ thống, trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	2 ngày làm việc	Quy trình tại VP UBND tỉnh
13	Scan kết quả đính kèm lên hệ	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
14	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	0.25 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh phê duyệt	Thường trực UBND tỉnh	0.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Quy trình tại Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	↓ Lãnh đạo phòng phân công →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
3	↓ Chuyên viên xử lý hồ sơ →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	1 ngày làm việc
4	↓ Lãnh đạo phòng trình ký →	Phòng Tài nguyên nước khoáng sản	0.5 ngày làm việc
5	↓ Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ →	Ban Giám đốc	0.5 ngày làm việc
6	↓ Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả lên hệ thống →	Văn phòng	0.5 ngày làm việc
7	↓ Trả kết quả →	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại điểm b, khoản 2; điểm b, khoản 3; khoản 4; điểm b, khoản 5 và Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)

a) Thời hạn giải quyết: từ 11 đến 20 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:

+ Trường hợp 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm B).

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	02 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	02 ngày làm việc
4	Gửi hồ sơ đến cơ quan đơn vị lấy ý kiến	Phòng Quản lý xây dựng công trình	10 ngày làm việc
5	Lãnh đạo phòng tổ chức thẩm	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
6	Chuyên viên xử lý hồ sơ (chỉnh sửa HS)	Phòng Quản lý xây dựng công trình	03 ngày làm việc
7	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
8	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

+ Trường hợp 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm C).

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
4	Gửi hồ sơ đến cơ quan đơn vị lấy ý kiến	Phòng Quản lý xây dựng công trình	10 ngày làm việc
5	Lãnh đạo phòng tổ chức thẩm	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
6	Chuyên viên xử lý hồ sơ (chỉnh sửa HS)	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
7	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
8	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh

+ Trường hợp 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm B).

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
4	Gửi hồ sơ đến cơ quan đơn vị lấy ý kiến	Phòng Quản lý xây dựng công trình	08 ngày làm việc
5	Lãnh đạo phòng tổ chức thẩm	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
6	Chuyên viên xử lý hồ sơ (chỉnh sửa HS)	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
7	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
8	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

+ Trường hợp 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm C).

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý	Phòng Quản lý xây dựng công trình	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	0.5 ngày làm việc
4	Gửi hồ sơ đến cơ quan đơn vị lấy ý kiến	Phòng Quản lý xây dựng công trình	07 ngày làm việc
5	Lãnh đạo phòng tổ chức thẩm định	Phòng Quản lý xây dựng công trình	01 ngày làm việc
6	Chuyên viên xử lý hồ sơ (chỉnh sửa HS)	Phòng Quản lý xây dựng công trình	0.5 ngày làm việc
7	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc
8	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)

a) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	7 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý khu kinh tế, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)

a) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	6 ngày làm việc
4	Kiểm tra hiện trường	Phòng Quản lý xây dựng công trình	1 ngày làm việc
5	Chuyên viên xử lý hồ sơ (chỉnh sửa)	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
6	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý xây dựng công trình	1 ngày làm việc
7	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc
8	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán điều chỉnh (quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 24; điểm b, khoản 1 Điều 25 và điểm b, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)

a) Thời hạn giải quyết:

- Đối với công trình cấp II và cấp III: 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	13 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	4 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Đối với các công trình còn lại: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý xây dựng công trình	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	8 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	3 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt giá gói thầu

a) Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý	Phòng Quản lý xây dựng công trình	2 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Quản lý xây dựng công trình	6 ngày làm việc
4	Lãnh đạo phòng trình ký	Phòng Quản lý xây dựng công trình	1 ngày làm việc
5	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc
6	Chuyên viên ghi số, lưu hồ sơ	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

VIII. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

a) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ, soạn thảo Quyết định	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	5.25 ngày làm việc
3	Thành lập Hội đồng và Tổ chức thẩm định, kiểm tra hiện trường	Chi cục Kiểm lâm	2 ngày làm việc
4	Báo cáo kết quả thẩm định	Hội đồng thẩm định	1 ngày làm việc
5	Xem xét, ký báo cáo thẩm định	Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, trình Giám đốc Sở phê duyệt	Phòng hành chính tổng hợp Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc
7	Xem xét và phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	2.5 ngày làm việc
8	Scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Xác nhận bằng kê lâm sản (cấp tỉnh)

a) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh); trường hợp phải xác minh 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Trường hợp 02 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ hợp pháp, trình ký	Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc
4	Vào sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Thanh tra Pháp chế	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp 05 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ nếu cần xác minh, thông báo chủ lâm sản	Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc
3	Tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn gốc	Phòng Thanh tra Pháp chế phối hợp Đội Kiểm lâm	03 ngày làm việc
4	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc
5	Vào sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Thanh tra Pháp chế	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên (cấp tỉnh)

a) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm lâm viên xử lý hồ sơ tiến hành xem hồ sơ, kiểm tra	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Phòng Sử dụng rừng	3.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị duyệt	Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)

1.5. Thủ tục Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)

a) Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ, soạn thảo Quyết định	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng (Chi cục Kiểm lâm)	5.25 ngày làm việc
3	Thành lập Hội đồng và Tổ chức thẩm định, kiểm tra hiện trường	Chi cục Kiểm lâm	5 ngày làm việc
4	Báo cáo kết quả thẩm định	Hội đồng thẩm định (Chi cục Kiểm lâm)	1 ngày làm việc
5	Xem xét, ký báo cáo thẩm định	Chi cục Kiểm lâm	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, trình Giám đốc Sở phê duyệt	Phòng hành chính tổng hợp (Chi cục Kiểm lâm)	0.5 ngày làm việc
7	Xem xét và phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	5.5 ngày làm việc
8	Scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.6. Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES

a) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Trường hợp 03 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Kiểm tra hồ sơ hợp pháp, trình ký	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	02 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc
4	Vào sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

- Trường hợp 20 ngày

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày
2	Kiểm tra hồ sơ nếu cần xác minh, thông báo chủ lâm sản	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên	02 ngày
3	Tiến hành kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng	Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị có liên quan	15 ngày
4	Tổng hợp hồ sơ trình lãnh đạo xem xét	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên;	02 ngày
5	Lãnh đạo đơn vị xem xét phê	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày
6	Vào sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Phòng Thanh tra Pháp chế	0.25 ngày
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông

2.1. Thủ tục Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

2.2. Thủ tục Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý

a) Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 10 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Phân công chuyên viên xử lý	Phòng sử dụng và Phát triển rừng	1 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng sử dụng và Phát triển rừng	4 ngày làm việc	
4	Chuyển hồ sơ về sở xem xét	Phòng Hành chính - Tổng hợp	0.5 ngày làm việc	
5	Trình ký lãnh đạo Sở xem xét văn bản lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
6	Xem xét và ký ban hành văn bản lấy ý kiến	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
7	Gửi văn bản lấy ý kiến	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
8	Tiếp nhận, tổng hợp, tổ chức thẩm định các ý kiến đóng góp	Văn phòng Sở	11 ngày làm việc	
9	Hoàn chỉnh hồ sơ	Văn phòng Sở	5 ngày làm việc	
10	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
11	Chuyển hồ sơ đến VP. UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng Sở	0.75 ngày làm việc	
12	UBND tỉnh phê duyệt	VP. UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
13	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	2 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.75 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.3. Thủ tục Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

a) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 06 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 04 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại Văn phòng Thủ tướng Chính phủ: 30 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	3 ngày làm việc	
4	Chuyển hồ sơ về Sở xem xét	Phòng HC-TH	0.25 ngày làm việc	
5	Văn phòng Sở xem xét, trình ký	Văn phòng Sở	0.75 ngày làm việc	
6	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
7	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
8	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	4 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ, soạn văn bản	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký văn bản	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
5	Thường trực UBND xem xét ký văn bản	Thường trực UBND tỉnh	0.75 ngày làm việc
6	Chuyển hồ sơ đến Văn phòng Chính phủ	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Thủ tướng chính phủ phê duyệt	Phòng HC-TC (theo dõi)	30 ngày làm việc
8	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.4. Thủ tục Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày làm việc.

- Thời gian tại Văn phòng UBND cấp huyện: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại kỳ họp HĐND trước và sau 15 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng SD và Phát triển PTR (Chi cục Kiểm lâm)	7 ngày làm việc	
3	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm xem xét, phê duyệt	Chi cục Kiểm lâm	0.5 ngày làm việc	
4	Trình lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
5	Xem xét hồ sơ và ký báo cáo	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan văn bản đính kèm lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
7	UBND huyện báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình kỳ họp HĐND tỉnh	Văn phòng UBND huyện	15 ngày làm việc	Quy trình tại UBND huyện
8	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại UBND cấp huyện

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Văn phòng UBND huyện	3 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Văn phòng UBND huyện	7 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, soạn báo cáo và trình ký	Văn phòng UBND huyện	3 ngày làm việc
5	UBND huyện xem xét ký báo cáo	Lãnh đạo UBND huyện	1.5 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống và phát hành	Văn phòng UBND huyện	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.5 Thủ tục Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

a) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Ban điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 10 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

- Tại Ban điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc	
2	Phụ trách Bộ phận Ban điều hành Quỹ xử lý hồ sơ, mời họp	Phòng sử dụng và Phát triển rừng (theo dõi)	14 ngày làm việc	
3	Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức họp, báo cáo thông qua	Phòng sử dụng và Phát triển rừng (theo dõi)	3 ngày làm việc	
4	Giám đốc Ban điều hành quản lý Quỹ Ký báo cáo trình UBND tỉnh xem xét	Phòng sử dụng và Phát triển rừng (theo dõi)	2 ngày làm việc	
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống, chuyển UBND tỉnh phê duyệt	Phòng HC-TH	0.5 ngày làm việc	
6	UBND tỉnh phê duyệt	VP. UBND tỉnh	10 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1.5 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	2 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.6. Thủ tục Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập

a) Thời hạn giải quyết: 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 10 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 15 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

- Quy trình tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	7 ngày làm việc	
4	Chuyển hồ sơ về Sở xem xét	Phòng HC-TH	0.25 ngày làm việc	
5	Văn phòng Sở xem xét, trình ký	Văn phòng Sở	0.75 ngày làm việc	
6	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
7	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
8	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	15 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	10 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, soạn Tờ trình trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND ký Tờ trình	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Thông qua Tờ trình, danh mục chuyển loại rừng	Lãnh đạo Văn phòng	1.5 ngày làm việc
7	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
8	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.7. Thủ tục Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)

a) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 05 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

- Quy trình tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	1 ngày làm việc	
4	Chuyển hồ sơ về Sở xem xét	Phòng HC-TH	0.25 ngày làm việc	
5	Văn phòng Sở xem xét, trình ký	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	
6	Lãnh đạo Sở phê duyệt, thành lập Đoàn kiểm tra, xác minh	Lãnh đạo Sở	0.5 ngày làm việc	
7	Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, xác minh và báo cáo kết quả	Văn phòng Sở (Theo dõi)	2 ngày làm việc	
8	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
9	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	5 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
10	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	2 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	1.25 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.8. Thủ tục Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

a) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Quy trình tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	0.25 ngày làm việc	
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ, soạn thảo giấy mời, chuyển hồ sơ về sở xem xét	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	4 ngày làm việc	
4	Văn phòng Sở xem xét, trình ký	Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	
5	Gửi giấy mời và hồ sơ nghiên cứu	Văn phòng Sở	5 ngày làm việc	
6	Tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp báo cáo, trình ký	Văn phòng Sở	4 ngày làm việc	
	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0.75 ngày làm việc	
7	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả lên hệ thống	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
8	UBND tỉnh phê duyệt	Văn phòng UBND tỉnh	3 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn	1 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	0.25 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan văn bản đính kèm lên hệ thống phát hành văn bản	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2.9. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

a) Thời hạn giải quyết: 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian giải quyết tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 21 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại VP UBND tỉnh: 08 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

- Quy trình tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian	Ghi chú
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc	
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng (Chi cục Kiểm lâm)	7 ngày làm việc	
3	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, soạn Giấy mời họp lấy ý kiến, trình ký	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng (Chi cục Kiểm lâm)	3 ngày làm việc	
4	Thành lập Hội đồng tổ chức thẩm định	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc	
5	Tổ chức họp thẩm định. Trích biên bản tổng hợp ý kiến, soạn báo cáo và hoàn chỉnh hồ sơ	Hội đồng thẩm định (Văn phòng Sở theo dõi)	6.5 ngày làm việc	
6	Xem xét, ký báo cáo	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	
7	Văn thư cho số, lưu hồ sơ, chuyển UBND tỉnh xem xét	Văn phòng Sở	0.25 ngày làm việc	
8	UBND tỉnh xem xét, phê duyệt	VP. UBND tỉnh	08 ngày làm việc	Quy trình tại VP. UBND tỉnh
9	Scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Văn phòng Sở	1 ngày làm việc	
10	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày	

- Quy trình tại Văn phòng UBND tỉnh

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ điện tử	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo Văn phòng phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo Văn phòng xem xét, trình ký	Lãnh đạo Văn phòng	1 ngày làm việc
5	Thường trực UBND tỉnh quyết định	Thường trực UBND tỉnh	1 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan lên hệ thống	Phòng HC-TC	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

B. CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV

a) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV.

1.4. Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV.

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Cấp giấy xác nhận đã đăng ký tàu do thay đổi chủ sở hữu có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất dưới 20 CV.

1.6. Thủ tục Cấp giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá cải hoán có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất dưới 20 CV.

1.7. Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá đối với tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất dưới 20 CV.

a) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.8. Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

a) Thời gian giải quyết: 63 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	UBND cấp huyện phân công ngành chuyên môn	VP. UBND cấp huyện	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên phụ trách thông báo Phương án trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở cấp huyện, xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý	VP. UBND cấp huyện, cấp xã	1.5 ngày làm việc
4	Chuyển lãnh đạo phòng chuyên môn	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5 ngày làm việc
5	Chuyên viên xử lý, thẩm định	Phòng Nông nghiệp và PTNT	40 ngày làm việc
6	Lãnh đạo phòng tổng hợp trình ký	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10 ngày làm việc
7	Lãnh đạo UBND huyện phê duyệt	VP. UBND cấp huyện	5 ngày làm việc
8	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP. UBND cấp huyện	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	Không tính ngày

1.9. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)

** Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cộng đồng, người đại diện tổ chức, cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng*

a) Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị xem xét, trình phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	VP. UBND cấp huyện	1 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP. UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	Không tính ngày

*** Trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản**

a) Thời gian giải quyết: 63 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.5 ngày làm việc
2	UBND cấp huyện phân công ngành	VP. UBND cấp huyện	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên phụ trách thông báo Phương án trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở cấp huyện, xã và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý	VP. UBND cấp huyện, cấp xã	1.5 ngày làm việc
4	Chuyển lãnh đạo phòng chuyên môn	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5 ngày làm việc
5	Chuyên viên xử lý, thẩm định	Phòng Nông nghiệp và PTNT	40 ngày làm việc
6	Lãnh đạo phòng tổng hợp trình ký	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10 ngày làm việc
7	Lãnh đạo UBND huyện phê duyệt	VP. UBND cấp huyện	5 ngày làm việc
8	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP. UBND cấp huyện	0.5 ngày làm việc
9	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.10. Thủ tục Công bố mở cảng cá loại 3

a) Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, uất	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị trình phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt	VP UBND cấp huyện	1 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

II. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông).

1.1. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

1.2. Thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại

a) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại

a) Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông cấp huyện

a) Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4.5 ngày làm việc
3	Tổng hợp ý kiến thẩm định	Phòng Nông nghiệp và PTNT	45 ngày làm việc
4	Lãnh đạo UBND phê duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	10 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.5. Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (cấp huyện)

a) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó:

- Thời gian giải quyết tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết tại UBND cấp huyện: 10 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phòng phân công xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
3	Thành lập Hội đồng thẩm định	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2 ngày làm việc
4	Tổ chức thẩm định dự án	Phòng Nông nghiệp và PTNT	8 ngày làm việc
5	Lãnh đạo phòng xem xét, trình ký	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3 ngày làm việc
6	Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP UBND cấp huyện	10 ngày làm việc
7	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục **Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh**

a) Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên thẩm định hồ sơ	Văn phòng UBND huyện (nơi đi, nơi đến)	6.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	25 ngày làm việc
4	Lấy ý kiến phòng Lao động - TBXH	Phòng Nông nghiệp và PTNT (theo dõi)	25 ngày làm việc
5	Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP. UBND cấp huyện	3 ngày làm việc
6	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP. UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.2. Thủ tục **Bố trí ổn định dân cư trong huyện**

a) Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	↓ Phối hợp xử lý hồ sơ giữa phòng NN&PTNT và phòng LĐ-TB&XH	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.5 ngày làm việc
3	↓ Hoàn thiện hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	25 ngày làm việc
4	↓ Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP UBND cấp huyện	3 ngày làm việc
5	↓ Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	VP UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
6	↓ Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: *(Không có)*

IV. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)

1.2. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)

a) Thời gian giải quyết: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	17.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo đơn vị phê duyệt	Phòng Nông nghiệp và PTNT	5 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Phòng Nông nghiệp và PTNT	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Xác nhận bằng kê lâm sản (cấp huyện)

a) Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo đơn vị phân công xử lý hồ sơ	Hạt Kiểm lâm	1 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Hạt Kiểm lâm	7 ngày làm việc
4	Trình lãnh đạo đơn vị ký	Hạ Kiểm lâm	1.5 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính kèm lên hệ thống	Hạt Kiểm lâm	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

V. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp

1.2. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	4.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP UBND cấp huyện	24 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính kèm lên hệ thống	VP UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	1 ngày làm việc

1.3. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP UBND cấp huyện	11 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính kèm lên hệ thống	VP UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.4. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên).

1.5. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)

a) Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết

TT	Nội dung công việc	Phòng, ban, bộ phận xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.5 ngày làm việc
3	Lãnh đạo UBND phê duyệt	VP UBND cấp huyện	16 ngày làm việc
4	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính kèm lên hệ thống	VP UBND cấp huyện	0.25 ngày làm việc
5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

C. CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Xác nhận Giấy đề nghị xác nhận nguồn gốc giống thủy sản.
(theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 19/4/2015)

1.2. Thủ tục Xác nhận tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá

a) Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	0.25 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	0.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo ký	Lãnh đạo UBND cấp xã	0.25 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

1.3. Thủ tục Xác nhận tờ khai đăng ký bè cá

a) Thời gian giải quyết: Ngay trong ngày.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	Giải quyết ngay
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	
4	Lãnh đạo ký	Lãnh đạo UBND cấp xã	
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	

1.4. Thủ tục Cho phép sên, vét đất, bùn cải tạo ao đầm nuôi trồng thủy sản

a) Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	0.5 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	1.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo ký	Lãnh đạo UBND cấp xã	0.5 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm

a) Thời gian giải quyết: Ngay khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Chuyển ngay
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	Giải quyết ngay
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	
4	Lãnh đạo ký	Lãnh đạo UBND cấp xã	
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

III. LĨNH VỰC THỦY LỢI

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện)

a) Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	↓	Lãnh đạo UBND cấp xã	1 ngày làm việc
3	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	4.5 ngày làm việc
4	↓	Lãnh đạo UBND cấp xã	1 ngày làm việc
5	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
6	↓	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày
	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống		
	↓		
	Lãnh đạo ký		
	↓		
	Trả kết quả		

1.2. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.3. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thời gian giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	↓	Lãnh đạo UBND cấp xã	2 ngày làm việc
3	↓	Công chức chuyên môn	13.5 ngày làm việc
4	↓	Lãnh đạo UBND cấp xã	2 ngày làm việc
5	↓	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
6	↓	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày
	Trả kết quả		

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)

IV. LĨNH VỰC KHUYẾN NÔNG

1. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa (không liên thông)

1.1. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông cấp xã

a) Thời gian giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

TT	Nội dung công việc	Bộ phận chuyên môn xử lý	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử, xuất phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
2	Lãnh đạo phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày làm việc
3	Chuyên viên xử lý hồ sơ	Công chức chuyên môn	42.5 ngày làm việc
4	Lãnh đạo ký	Lãnh đạo UBND cấp xã	15 ngày làm việc
5	Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết lên hệ thống	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	0.25 ngày làm việc
6	Trả kết quả	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không tính ngày

2. Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: (Không có)